

Về con chung: Chị G và anh C trong quá trình chung sống có 01 con chung là Lý Tiến Đ, sinh ngày 05/4/2016. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được giao trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lù Seo C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh C đến Tòa án để giải quyết vụ án. Anh Lù S C bận đi làm xa nên có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 17/8/2025, anh Lù Seo C trình bày:

Về hôn nhân, anh C thấy rằng vợ chồng không thống nhất và không quan tâm nhau, không có tình cảm nên chị G làm đơn ly hôn thì anh C nhất trí để Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt.

Về con chung: Anh C nhất trí giao con chung cho chị G là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh C không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án và nội dung vụ án như sau: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lý Thị G. Tuyên xử cho chị Lý Thị G được ly hôn anh Lù Seo C.

Về con chung: Giao con chung là Lý Tiến Đ, sinh ngày 05/4/2016 cho chị G là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lý Thị G khởi kiện yêu cầu tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung với anh Lù Seo C. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lù Seo C đăng ký thường trú tại thôn H, xã P, tỉnh T do vậy Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tuyên Quang thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh C và chị G có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, các lời khai, ý kiến của các đương sự là chị Lý Thị G và anh Lù S C thấy rằng: Chị G và

anh C đều thừa nhận nội dung tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, tỉnh T. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau hoà thuận, hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không có được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã làm cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm. Hiện nay, chị G và anh C mỗi người một nơi, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau tình cảm không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể khắc phục. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị G.

[3] Về con chung: Chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cháu Lý Tiến Đ, sinh ngày 05/4/2016 và không yêu cầu cấp dưỡng. Nguyên vọng của con chung là được ở với mẹ. Anh C nhất trí theo yêu cầu của chị G về con chung. Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ 2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.” Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị G về con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị G và anh C không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lý Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0004393, ngày 10 tháng 4 năm 2025.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị G. Xử cho chị Lý Thị G được ly hôn anh Lù Seo C .

Về con chung: Giao cháu Lý Tiến Đ, sinh ngày 05/4/2016 cho chị Lý Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lý Tiến Đ trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lù S C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, vì quyền lợi của con

chung sau này một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Chị Lý Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 tỉnh T) theo biên lai số 0004393, ngày 10 tháng 4 năm 2025.

4. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND khu vực 6 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh T;
- UBND xã Hùng Đức, tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

đã ký

Nguyễn Thị Khuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Xuân Tú

Hoàng Thị Hương

Nguyễn Thị Khuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Xuân Tú

Hoàng Thị Hường

Nguyễn Thị Khuyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện HSP;
- Chi cục THADS huyện HSP;
- UBND xã Pố Lồ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Khuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Xuân Tú

Hoàng Thị Hương

Nguyễn Thị Khuyên

